

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THUÝ VIỆT

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS Huỳnh Năm

Phản biện 1: PGS.TS. Lâm Chí Dũng

Phản biện 2: TS. Đoàn Vĩnh Tường

**Luận văn được bảo vệ tại hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp
thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
01 tháng 07 năm 2011.**

***.Có thể tìm hiểu luận văn tại:**

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay cơ chế quản lý NSNN đã có nhiều thay đổi nhằm đáp ứng những yêu cầu thực tiễn khi nền kinh tế đất nước đang trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới diễn ra mạnh mẽ. Cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - tài chính nhà nước, cơ chế quản lý NSNN cũng được thay đổi để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường có sự quản lý, điều hành của nhà nước. Tuy nhiên, nguồn lực huy động phục vụ cho phát triển đất nước có hạn, tình hình sử dụng ngân sách trong thời gian qua vẫn còn thất thoát, kém hiệu quả.

Việc quản lý NSNN là trách nhiệm của nhiều cấp trong nền kinh tế, trong đó có hệ thống Kho bạc nhà nước. Với chức năng quản lý thu chi, KBNN tỉnh Quảng Nam từng bước chấp hành việc sử dụng vốn NSNN theo đúng luật định. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý NSNN vẫn còn những hạn chế cần phải khắc phục. Với tính cấp thiết nêu trên, tác giả đã quyết định chọn đề tài “*Tăng cường quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam*” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn: Hệ thống hóa lý luận về NSNN, quy trình thu chi NSNN, phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam. Từ đó, tác giả đề xuất các quan điểm, định hướng và giải pháp quản lý ngân sách trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là NSNN và quá trình quản lý NSNN qua KBNN tại tỉnh Quảng Nam.

Số liệu thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội, tình hình thu chi ngân sách qua Kho bạc tỉnh Quảng Nam trong phạm vi từ năm 2005 đến năm 2009 là những số liệu đã được báo cáo quyết toán, những dự toán chính thức đã được cấp chính quyền phê duyệt.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp tổng hợp, phương pháp định tính, định lượng, phân tích và thống kê, so sánh, suy diễn, khái quát hóa để nghiên cứu

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

Tìm ra được những ưu điểm, nhược điểm và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam, góp phần thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát ngân sách và thực hiện hiệu quả chi ngân sách.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở bài, kết luận, nội dung của luận văn có 3 chương, bao gồm:

Chương 1: Lý luận chung về ngân sách và quản lý ngân sách qua Kho bạc nhà nước

Chương 2: Thực trạng quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Kiến nghị và giải pháp tăng cường quản lý NSNN qua KBNN Tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.1 Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước

1.1.1 Khái niệm về ngân sách nhà nước: Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

1.1.2 Đặc điểm của Ngân sách nhà nước

- **Thứ nhất:** Việc thu chi và sử dụng quỹ NSNN luôn gắn với quyền lực của NN và được NN ban hành trên cơ sở luật định.

- **Thứ hai:** NSNN luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng.

- **Thứ ba:** Hoạt động thu, chi NSNN được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

1.1.3 Vai trò của NSNN

- NSNN có vai trò đảm bảo tài chính trong toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của đất nước.

- NSNN là công cụ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững.

- NSNN là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và kiềm chế lạm phát.

- Ngân sách là công cụ hữu hiệu của Nhà nước để điều chỉnh trong lĩnh vực thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

1.1.4 Thu và chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước

1.1.4.1. Thu Ngân sách nhà nước

- Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thu từ hoạt động dịch vụ bao gồm cả thu sự nghiệp và thu từ các dịch vụ tài chính. Số thu từ lĩnh vực này có xu hướng ngày càng tăng.

- Thu từ các hoạt động khác như thu về bán và cho thuê tài sản quốc gia, nguồn tài nguyên, vay nợ trong nước dưới các hình thức.v.v.

- Thuế, phí, lệ phí

- Thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, bao gồm: thu nhập từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế...

1.1.4.2. Nội dung của chi ngân sách nhà nước

(1) Chi thường xuyên : Bao gồm Chi cho sự nghiệp giáo dục, Y tế, công tác dân số, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin đại chúng, thể thao, lương hưu và trợ cấp xã hội ...

(2) Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, mua sắm tài sản cố định ...

(3) Các khoản chi khác: Chi bổ sung quỹ dự trữ nhà nước, chi viện trợ, chi trả nợ khoản vay của nhà nước.

1.1.4.3. Cân đối ngân sách nhà nước: Cân đối thu chi NSNN tức là nguồn thu phải đảm bảo được các nhiệm vụ chi đề ra của NSNN.

1.1.5 Phân cấp quản lý ngân sách

1.1.5.1 Nội dung cơ bản của phân cấp quản lý NSNN: NSNN gồm Ngân sách trung ương và Ngân sách địa phương.

1.1.5.2 Các phương thức phân cấp quản lý NSNN

a. Phân cấp nguồn thu NSNN:

- + Các khoản thu từng cấp ngân sách được hưởng 100%
- + Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách còn được gọi là nguồn thu điều tiết hoặc nguồn thu phân chia.
- + Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

b. Phân cấp nhiệm vụ chi:

Nhiệm vụ chi NSTW như: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Trung ương quản lý, chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế ...

Nhiệm vụ chi NSDP như: thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư đối với cơ sở hạ tầng do địa phương quản lý, chi thường xuyên cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc...

1.1.5.3 Về phương thức cấp phát ngân sách:

- a. Phương thức cấp phát theo hạn mức kinh phí
- b. Phương thức cấp phát theo Lệnh chi tiền
- c. Phương thức cấp phát theo dự toán

1.1.6 Quyết toán ngân sách nhà nước: Lập báo cáo quyết toán ngân sách theo đúng các nội dung theo Mục lục ngân sách nhà nước.

1.2 Tổng quan về kho bạc nhà nước

1.2.1. Khái niệm về kho bạc nhà nước (KBNN): KBNN là tổ chức thuộc Bộ tài chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quỹ NSNN.

1.2.2. Chức năng của hệ thống kho bạc nhà nước Việt Nam

- Kiểm soát điều kiện chi và thực hiện cấp phát, thanh toán kịp thời theo đúng quy định và theo đúng tiến độ thực hiện.

- Tham gia với cơ quan tài chính, cơ quan quản lý NN có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra tình hình sử dụng NS của các đơn vị.

- Thực hiện công tác quản lý NSNN, quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

- Huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển.

- Thực hiện chức năng kế toán nhà nước.

- Chức năng dịch vụ tín dụng nhà nước.

1.2.3 Sự cần thiết phải quản lý NSNN qua kho bạc nhà nước:

1.2.3.1: Sự cần thiết quản lý nguồn thu NSNN:

Một là: Quản lý tốt nguồn thu NSNN là thu đúng, thu đủ, kịp thời chống sự trì trệ, thất thu của NSNN.

Hai là: Cần quản lý tốt nguồn thu từ việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các nguồn lực trong cả nước, tránh tình trạng khai thác bừa bãi, gây thất thoát nguồn thu và ảnh hưởng đến môi trường

Ba là: Đảm bảo cho việc quản lý kinh tế và xã hội ngày càng hoàn thiện hơn.

Bốn là: Tăng cường quản lý thu NSNN là yêu cầu cấp thiết cho việc vận động dòng tài chính gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

1.2.3.2: Sự cần thiết quản lý nguồn chi NSNN:

Một là: Tăng cường quản lý chi NSNN là chi đúng, chi tiết kiệm nhằm ngăn chặn hành vi sai trái của các đối tượng thụ hưởng NSNN

Hai là: KBNN được đặt vị trí trung tâm của khâu chấp hành NSNN, mọi khoản chi đều được trực tiếp thanh toán tại KBNN.

Ba là: Thông qua nhiệm vụ quản lý nguồn chi của KBNN, KBNN tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình chi NSNN.

1.3 Quy trình quản lý quỹ ngân sách nhà nước qua KBNN

1.3.1 Quản lý thu ngân sách nhà nước: Mọi nguồn thu của ngân sách nhà nước đều tập trung vào KBNN thông qua các phương thức sau: thu qua cơ quan thu, thu chuyển khoản, thu trực tiếp tại kho bạc.

1.3.2 Quản lý chi ngân sách nhà nước

1.3.2.1 Chi thường xuyên: Các đơn vị sử dụng ngân sách lập nhu cầu chi ngân sách quý (Có chia ra tháng).

1.3.2.2 Chi đầu tư phát triển: Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lập giấy rút dự toán NSNN kèm theo các hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán.

1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý NSNN qua KBNN

1.4.1 Hệ thống chuẩn mực, định mức NSNN

1.4.2 Công tác kế toán, quyết toán NSNN

1.4.3 Nhận thức và ý thức chấp hành của các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN qua KBNN

1.4.4 Vị trí, chức năng và nhiệm vụ của KBNN

1.4.5 Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác kiểm soát NSNN qua KBNN

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH

NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NAM

2.1 Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam.

2.1.1 Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam

Quảng Nam trong những năm qua đã từng bước phát triển không ngừng, có đất đai và nguồn tài nguyên dồi dào tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

2.1.2 Lợi thế và hạn chế chủ yếu tác động đến phát triển kinh tế tỉnh Quảng Nam

* Lợi thế: Tỉnh QN đã và đang được NN quan tâm đầu tư hình thành các khu kinh tế...là tiền đề để phát triển thành tỉnh Công nghiệp.

* Hạn chế: Là tỉnh có nhiều vùng núi, địa hình hiểm trở, tài nguyên thiên nhiên nhiều nhưng chưa việc khai thác còn thất thoát.

2.1.3 Các phương hướng mục tiêu thực hiện quy hoạch và phát triển tỉnh QN

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2010-2015 là tạo môi trường thuận lợi cho xuất khẩu và nhập khẩu, tích lũy đầu tư và thúc đẩy tiêu dùng xã hội. Tăng thu nhập bình quân trên đầu người trên 1.000 USD/năm/người. Về văn hóa giáo dục: Tăng cường cơ sở hạ tầng dạy học được đầu tư với quy mô về số lượng và chất lượng. Mạng lưới y tế phát triển mạnh, khoa học và công nghệ được chú trọng.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống KB tỉnh QN

2.3. Công tác quản lý NSNN qua Kho bạc tỉnh Quảng Nam

2.3.1. Tình hình quản lý các nguồn thu qua Kho bạc tỉnh Quảng Nam.

2.3.1.1 Quy trình thu ngân sách qua Kho bạc tỉnh Quảng Nam.

a. Trường hợp các nguồn thu từ cá nhân, các khoản nộp trực tiếp tại KBNN

Đối với các khoản thu này, khách hàng lập Gửi giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và nộp trực tiếp tại KB. Sau đó, kế toán KBNN kiểm tra lại chứng từ, khách hàng sang quầy thu tiền để nộp tiền cho thủ quỹ và nhận lại chứng từ.

b. Trường hợp các khoản nộp vào NSNN bằng chuyển khoản

(1) Khi các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu nộp thuế, cá nhân lập giấy Ủy nhiệm chi nộp trực tiếp vào ngân hàng .

(2) Ngân hàng đối chiếu và chuyển tiền cho Kho bạc.

2.3.1.2 Tình hình quản lý nguồn thu NS qua KBNN tỉnh QN qua các năm 2005 – 2009

Bảng 2.2: Bảng tổng hợp nguồn thu qua KBNN tỉnh Quảng Nam năm 2005 – 2009

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Thu từ NSNN	Thu Thuế		Thu chuyển giao	Thu viện trợ, thu khác	Tổng
		Thuế GTGT, ..	Thu thuế XNK			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (1)+(2) (3)+(4)+(5)
2005	1,985,250	524,345	745,000	616,000	8,300	3,878,895
2006	2,009,132	637,258	364,000	908,000	8,000	3,926,390
2007	2,283,124	800,342	328,000	249,000	25,340	3,685,806
2008	2,339,231	1,037,215	447,000	155,000	6,800	3,985,246
2009	2,962,422	1,274,346	555,034	833,042	78,000	5,702,844

(Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính KBNN tỉnh Quảng Nam)

Nguồn thu các năm qua KBNN Quảng Nam tăng nhanh nhưng nguồn thu chưa đảm bảo cho cân đối. Hàng năm nguồn vốn đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ. Thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu: là khoản thu mới của tỉnh nhưng có quy mô tăng tương đối lớn trên địa bàn của tỉnh.

a. Tình hình quản lý nguồn thu từ thuế, thuế phí, lệ phí.

Nhìn chung, các khoản thu về thuế tại KBNN tỉnh Quảng Nam qua các năm đều tăng, đặc biệt là các khoản thu về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp chiếm tỷ lệ trên 80% trên tổng số thu.

b. Thu cân đối ngân sách tỉnh từ Trung ương chuyển giao

Nguồn vốn trung ương cấp 100% tăng dần qua các năm. Nguồn thu cân đối đảm bảo nhu cầu chi tiêu của NSNN tỉnh.

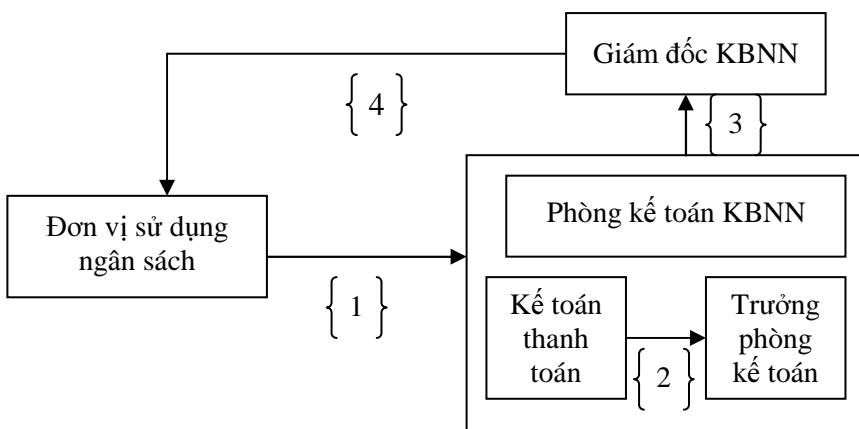
c. Các khoản thu khác để lại chi quản lý qua NSNN:

Bao gồm các khoản thu ủng hộ bảo lữ, thu huy động đóng góp XDCSHT. Trong quá trình quản lý nguồn thu, KBNN tỉnh Quảng Nam đã đảm bảo tính minh bạch trong nguồn thu, vận động được sự tin nhiệm của nhân dân trong vai trò quản lý NS tại tỉnh.

2.3.2 Tình hình quản lý nguồn chi của kho bạc tỉnh Quảng Nam

2.3.2.1 Thực trạng quản lý chi thường xuyên NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam

a. Quy trình cấp phát chi thường xuyên NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam



Sơ đồ 2.4: Quy trình chi thường xuyên tại KBNN tỉnh QN

+ Kiểm tra hồ sơ ban đầu làm căn cứ thanh toán: Khi tiếp nhận hồ sơ từ đơn vị thụ hưởng, cán bộ tại KBNN tiến hành kiểm tra, xem xét tối đa không quá 2 ngày làm việc kể từ khi đơn vị sử dụng ngân sách gửi đầy đủ hồ sơ chứng từ. Nếu các khoản chi chưa đủ điều kiện thanh toán do hồ sơ, chứng từ chưa đủ, viết sai .. cán bộ làm việc trong KBNN trả lại

và hướng dẫn đơn vị sử dụng ngân sách làm lại thủ tục chứng từ cho đúng theo quy định.

+ Thanh toán vốn: Khi chi lương và phụ cấp lương cán bộ KBNN kiểm tra bảng đăng ký biên chế, khi chi thường xuyên như mua sắm, sửa chữa hồ sơ căn cứ theo quyết định kết quả đấu thầu.

b. Tình hình quản lý nguồn chi thường xuyên qua KBNN tỉnh Quảng Nam năm 2005 – 2009

Công tác quản lý các nguồn chi được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành. Kế toán đã kiểm soát hóa đơn, chứng từ trước khi ra quyết định chi, thanh toán kịp thời các nguồn chi đúng quy định. KBNN tỉnh đã kiên quyết trong việc tạm đình chỉ các khoản chi: Chi không đúng mục đích, đối tượng trong phạm vi dự toán được duyệt. Cụ thể, từ năm 2005 đến năm 2009 kế toán KBNN tỉnh Quảng Nam đã từ chối thanh toán số tiền 21.331 triệu đồng. Riêng năm 2009, qua kiểm soát KBNN Quảng Nam đã từ chối thanh toán số tiền là 7.417 triệu đồng.

Tình trạng khai tăng chi phí đã giảm, công tác kiểm soát chi dự toán ngân sách ngày càng tốt hơn.

Hệ thống biểu mẫu sổ sách, chứng từ chi tiêu của KBNN tuân thủ đúng quy định, các bút toán hạch toán đúng quy định và đầy đủ, kế toán thường xuyên rà soát lại chứng từ cho đến việc ghi sổ sách.

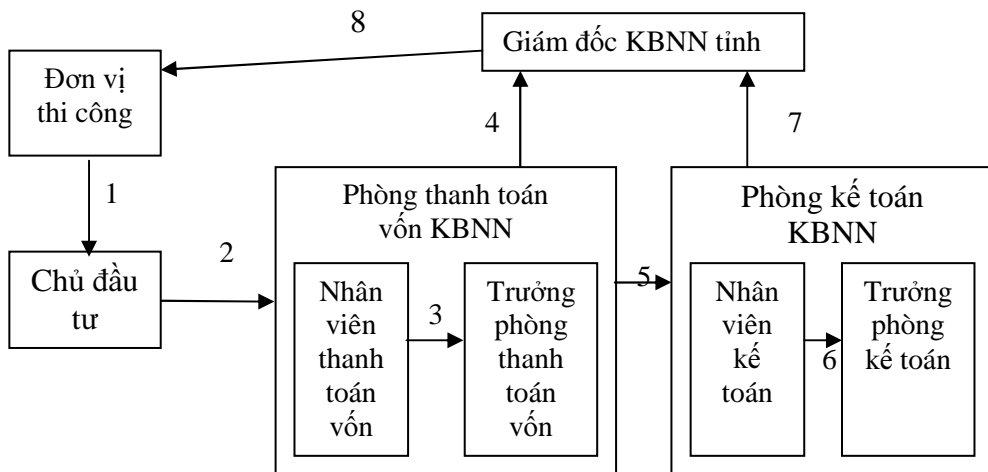
Tuy nhiên, các chứng từ hiện nay thiết kế chưa phù hợp, còn trùng lặp, gây khó khăn cho đơn vị sử dụng ngân sách. Chưa theo dõi mục đích của khoản chi, chưa phân biệt được đó là nguồn chi cân đối hay chi từ nguồn thu để lại.

2.3.2.2 Thực trạng quản lý chi đầu tư phát triển NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam

a. Quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư

Tại KBNN tỉnh Quảng Nam, cán bộ thanh toán vốn sẽ kiểm tra và nhập vốn cho từng công trình vào máy. Đây được coi là căn cứ chủ yếu

để KBNN tỉnh cấp phát vốn cho đơn vị thụ hưởng khi có đủ điều kiện thanh toán vốn sau này.



Sơ đồ 2.5: Quy trình quản lý chi thanh toán vốn đầu tư qua KBNN tỉnh Quảng Nam

b. Tình hình quản lý chi đầu tư qua KBNN tỉnh năm 2005 – 2009

Số lượng vốn đầu tư XDCB trên địa bàn tỉnh Quảng Nam từ nhiều nguồn vốn (Nguồn Trung ương, tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường và vốn ngoài nước, vốn ủy nhiệm ...) hàng năm xấp xỉ trên 2.000 tỷ đồng và tương ứng với hơn 1.000 dự án. Đây là khối lượng vốn đầu tư khá lớn mà KBNN tỉnh Quảng Nam đảm nhận. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, KBNN Quảng Nam đã tổ chức triển khai và chấp hành triệt để quy trình kiểm soát cấp phát, thanh toán vốn đầu tư, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh và phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tháo gỡ các vấn đề vướng mắc.

Kế toán KBNN đã tiến hành theo dõi số vốn thành toán cho mỗi công trình theo mã công trình của dự án. Thuận tiện cho việc kiểm số liệu đã chi tạm ứng, chi thanh toán ...

- Trường hợp cấp vốn tạm ứng: KBNN kiểm tra xem hồ sơ tạm ứng có đúng tỷ lệ % theo quy định thầu hay không và tỷ lệ tạm ứng đã khớp đúng với chế độ tạm ứng theo quy định.

- Trường hợp thanh toán vốn theo khối lượng hoàn thành: Số vốn thanh toán tối đa của dự toán phải bằng với dự toán đã được duyệt. Nếu dự toán có đơn giá cao hơn (Trường hợp trượt giá đơn vị thì công không thể thi công theo đơn giá chỉ định thầu) thì phải có sự phê duyệt lại của UBND tỉnh.

2.4 Thực hiện Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc trong quản lý NSNN:

2.4.1 Mô hình thực tế áp dụng:

Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam đang từng bước áp dụng mô hình TABMIS về việc hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

2.4.3 Thuận lợi và khó khăn khi áp dụng mô hình quản lý quỹ ngân sách tại kho bạc Tỉnh Quảng Nam

2.4.3.1 Mô hình quản lý quỹ ngân sách trước đây

2.4.3.2 Mô hình TABMIS

2.5 Đánh giá thực trạng của công tác quản lý ngân sách nhà nước qua kho bạc tỉnh Quảng Nam

2.5.1 Kết quả đạt được trong quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam :

Đối với khoản thu : Các khoản thu đều tăng qua các năm, chủ yếu các khoản thu ngoài quốc doanh (Thu thuế..). Tổng số thu cân đối ngân sách đã đảm bảo được 69% tổng chi thường xuyên.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nghiệp vụ quản lý thu ngân sách tại Văn phòng và các KBNN. Thông qua công tác kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong nghiệp vụ, nhờ vậy đến nay hoạt động quản lý nguồn thu ngân sách đã đi vào nề nếp, thường xuyên phối hợp với

công an tỉnh thực hiện tốt phương án phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn tài sản trong hệ thống KBNN Quảng Nam đã được ký kết giữa 2 ngành theo hướng dẫn tại Thông tư 40/TT-LB ngày 25/07/1996 của liên Bộ tài chính – Công an.

Những khoản thu không đúng quy định của pháp luật KBNN tỉnh đã hoàn trả tổ chức, cá nhân đã nộp. Những khoản phải thu nhưng chưa thu đã được truy thu đầy đủ cho ngân sách nhà nước.

Công tác quản lý thu NS đã có nhiều tiến bộ, công tác tiếp nhận chứng từ từ khách hàng lập, đăng ký thuế, lập tờ khai và nộp thuế được tổ chức theo quy trình chặt chẽ.

Chương trình quản lý nghiệp vụ kho quỹ trên máy tính được sử dụng và vận hành thông suốt, số liệu được cập nhật kịp thời và chính xác, phục vụ tốt cho hoạt động quản lý nguồn thu của KBNN tỉnh.

Đối với các khoản chi : KBNN tỉnh đã tổ chức công tác quản lý nguồn chi chặt chẽ theo luật NSNN, các thông tư và hướng dẫn của bộ tài chính, đã chống thất thu nhiều và đạt được niềm tin từ dân, tiết kiệm nhiều khoảng chi tiêu không cần thiết.

Một số khoản chi không đúng với quy định của pháp luật đã được thu hồi đủ cho ngân sách nhà nước. KBNN đã từ chối thanh toán các khoản chi chưa đủ thủ tục với số tiền lên đến vài tỷ đồng, góp phần quan trọng làm cho NSNN được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, ngăn chặn tình trạng lãng phí, thất thoát tiền và tài sản của nhà nước.

Trong những năm vừa qua, phục vụ những chủ trương chính sách cải cách kinh tế - xã hội như: Đổi mới chính sách tiền lương, tăng chi cho phát triển khoa học công nghệ, tăng chi cho giáo dục, cho sự nghiệp y tế ... làm tăng quy mô chi thường xuyên lên đáng kể. Tuy nhiên, KBNN đã cấp phát kịp thời và tạo nhiều điều kiện để phát triển kinh tế.

Công tác kế toán NSNN tại kho bạc: Cùng với sự thay đổi về cơ chế quản lý, KBNN đã cử cán bộ tham gia nhiều buổi tập huấn để nâng

cao trình độ chuyên môn trong ngành. Công tác báo cáo quyết toán được hoàn thiện tốt vào cuối năm.

2.5.2 Những hạn chế trong việc quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam.

2.5.2.1 Về cơ chế chính sách:

Kiểm soát thanh toán vốn hiện nay được điều chỉnh bởi rất nhiều các văn bản, nghị định liên quan, một số cơ chế chính sách hiện nay hay thay đổi và khó dự báo trước, chế độ ban hành nhiều khi thiếu đồng bộ, không kịp thời nên gây khó khăn cho đơn vị quản lý NSNN.

2.5.2.2 Trong lĩnh vực quản lý thu NSNN

- Một số nguồn thu tại KBNN chưa thu đúng, kịp thời, tình trạng thất thu còn nhiều. Vẫn còn một bộ phận kinh doanh cá thể nộp thuế theo phương pháp thuế khoán hàng tháng, việc thu thuế chưa đúng thực tế.

- Đối với các khoản thu về thuế do chi cục thuế trực tiếp thu và nộp vào ngân sách nhà nước còn chậm nộp, một số cá biệt đối tượng có tình trạng chiếm dụng số tiền đã thu trong một thời gian nào đó để dùng vào việc cá nhân.

- Các nguồn thu tại KBNN, kế toán chưa phân loại rõ ràng theo từng nhóm, từng đơn vị, nên chưa đánh giá sát hơn khả năng của nguồn thu, các địa chỉ thu cụ thể.

- KBNN tỉnh không có mối quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng và với các cơ quan thuế, nên tình trạng nộp chậm thuế của các doanh nghiệp thường xuyên xảy ra.

2.5.2.3 Trong lĩnh vực quản lý chi NSNN:

- Mặc dù có nhiều quy định về việc phê duyệt chi, thẩm định chi quyết toán tương đối chặt chẽ và qua nhiều cấp nhưng trong các năm qua, nhiều khoản chi sai niêm độ, sai chế độ, hạch toán không đúng các khoản mục chi vẫn còn tiếp diễn gây thất thoát và lãng phí.

- Đối với các đơn vị thi công, phần lớn hồ sơ thanh toán thường dồn vào cuối năm gây khó khăn cho KBNN trong việc kiểm soát thanh toán vốn, công tác quản lý kiểm tra hồ sơ thiết chặt chẽ, gây nên những thiếu sót... Mặc khác khi có những thiếu sót về hồ sơ, thủ tục thanh toán bị phát hiện thì rất khó cho chủ đầu tư để kịp giải ngân trong thời gian thanh toán của năm kế hoạch, chính vì vậy mà nguồn vốn dự toán đã chi năm nay chuyển giao sang năm nhiều. Do đó, số quỹ tồn hàng năm còn lớn, chủ yếu là nguồn vốn dùng cho xây dựng cơ bản

- Thời gian kiểm tra hồ sơ tại Kho bạc, xử lý và thanh toán vốn còn kéo dài.

- Trình tự luân chuyển chứng từ giữa 2 phòng thanh toán vốn đầu tư và phòng kế toán còn chậm. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin chưa được bao quát và đầy đủ nên việc đối chiếu số liệu giữa 2 phòng khó khăn.

- Mỗi công trình dự án có rất nhiều tài liệu kèm theo, mặt khác số lượng trình ký nhiều nên Lãnh đạo không thể kiểm soát kỹ.

- Việc chi bằng tiền mặt vẫn còn diễn ra phổ biến.

- Phương thức cấp phát bằng “Kinh phí ủy quyền” thực tế là cần thiết nhưng việc ủy quyền nhìn chung chưa quy trách nhiệm cụ thể, thiếu minh bạch trong quản lý chi tiêu NSNN.

- Do Kho bạc nhà nước chỉ mang tính chất là kế toán của nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ thu chi theo định mức đã được duyệt, nên việc thu chi chưa sát với thực tế phát sinh.

- Toàn bộ dữ liệu chi NS sẽ được kết xuất từ Chương trình kế toán tại KBNN chuyển về Chương trình QLNS của cơ quan tài chính. Tuy nhiên, việc chuyển đổi dữ liệu chi ngân sách từ chương trình kế toán của KBNN về chương trình QLNS của cơ quan tài chính chưa thực hiện được nên Sở tài chính không nhận được dữ liệu chi. Đặc biệt trong năm 2009, thời kỳ áp dụng luật NSNN thay đổi và thay đổi mô hình quản lý

quỹ ngân sách cũ sang TABMIS, công tác kế toán gặp khó khăn, chương trình kế toán ngân sách KBNN mới được vận hành chưa ổn định, chương trình cũng chưa chuyển được các dữ liệu chi từ phần cấp phát sang phần quyết toán NS nên kế toán phải nhập dữ liệu quyết toán bằng tay.

2.5.2.4 Công tác quản lý chứng từ, ghi chép chứng từ vào sổ sách:

- Cho đến cuối năm 2009, do đang áp dụng song song hai mô hình quản lý quỹ ngân sách. Vì vậy, công tác ghi sổ và theo dõi của kế toán gặp nhiều khó khăn và tốn nhiều thời gian.

- Quy trình tiếp nhận và lập hồ sơ theo dõi tình hình thu chi của tỉnh chưa tốt. Còn nhiều những khâu trung gian trong công tác quản lý quỹ NSNN.

- Chưa thực hiện tác kiểm toán nội bộ một cách thường xuyên.

- Công tác kế toán của đơn vị tập trung chủ yếu vào việc như: Ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình thu chi tại KBNN dựa vào phương pháp kế toán tiền mặt, chưa thực hiện thống nhất theo phương pháp kế toán dồn tích nên việc đánh giá tình hình sử dụng NSNN của đơn vị sử dụng ngân sách theo định kỳ chưa tốt.

- Chứng từ thanh toán hiện nay gồm nhiều loại, gồm chứng từ thanh toán và chứng từ mệnh lệnh. Các yếu tố trên chứng từ còn mang tính trùng lặp, khó nhớ.

2.5.2.5 Vai trò, chức năng quản lý NSNN qua KBNN:

Các quy định về các bên tham gia quản lý NSNN chưa được phân định rõ ràng về trách nhiệm của người duyệt chi (Giám đốc KB), người kiểm soát chi (Kế toán KBNN) hay trách nhiệm của đơn vị sử dụng NS (Chủ đầu tư, ...). Điều này dẫn đến chế tài và quy trách nhiệm đối với những sai phạm trong việc quản lý rất khó khăn.

2.5.2.6 Trình độ cán bộ, công chức làm công tác tài chính kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách, cán bộ công chức quản lý NSNN của hệ thống KBNN còn hạn chế:

Nhiều chương trình khung của các trường đại học

cao đẳng không dạy kỹ về vấn đề NSNN nên cán bộ mới vào làm chưa có nền tảng. Đối với lãnh vực chi thường xuyên, các đơn vị sử dụng NS thường có khuynh hướng phải chi hết số dự toán chi của NSNN đã giao, mặc dù các khoản chi này đôi khi chưa thực sự cần thiết.

CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC TỈNH QUẢNG NAM

3.1 Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội Tỉnh Quảng Nam.

3.1.1. Mục tiêu

3.1.2. Những định hướng cơ bản hoàn thiện công tác quản lý NSNN qua KBNN tỉnh Quảng Nam.

3.1.2.1 Trong công tác quản lý thu Ngân sách: Khai thác tối đa các khoản thu thường xuyên, từng bước thực hiện giảm mức thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập. Trong công tác huy động nguồn tài chính vào NSNN nói chung là tăng thu nhưng phải hướng vào kích thích sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư.

3.1.2.2 Trong công tác quản lý chi Ngân sách: Kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế để vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý NSNN qua KBNN

3.2.1 Hoàn thiện quản lý nguồn thu NSNN qua KBNN

3.2.1.1 Hoàn thiện quy trình quản lý nguồn thu NSNN tại KBNN

Còn nhiều khâu trung gian trong việc thu tiền vào Kho bạc tỉnh, phần lớn các khoản thuế khoán do đội thu thuế thu hộ xong nộp vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, cần phải rút ngắn lại tại khâu tiếp nhận thanh toán tiền thuế khoán này bằng cách KBNN có chính sách cử cán bộ trực tiếp tham gia thu thuế của các tổ chức cá nhân này theo quy định thời gian cụ thể,

hoặc mở các điểm giao dịch khuyến khích các cá nhân đến nộp thuế tại Kho bạc.

KBNN tỉnh Quảng Nam cần phối hợp với Ngân hàng, cơ quan thuế, hải quan, phối hợp với độ ngũ quản lý thuế để nguồn thu từ thuế được nhanh chóng và tốt hơn. Người nộp thuế cũng có thể nộp ngân sách qua thẻ ATM vào bất cứ thời gian nào trong ngày, trong tuần chứ không chỉ bó hẹp trong giờ hành chính như hiện nay, góp phần thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt và tiến tới toàn bộ các khoản thu NSNN đều được nộp qua ngân hàng.

3.2.1.2 KBNN phối hợp với Cơ quan tài chính rà soát lại, phân loại rõ ràng theo từng nguồn thu hiện có.

Kế toán KBNN tỉnh cần theo dõi chi tiết các khoản thu NSNN, thống kê, phân loại từng khoản thu theo thành phần kinh tế, ngành nghề, theo nhóm đối tượng kinh doanh thường xuyên tại địa bàn, đối tượng nộp thuế vắng lai, nguồn thu thường xuyên và nguồn thu không thường xuyên để có căn cứ đánh giá, tác động tích cực cho việc phân tích và lập bộ quản lý hồ sơ thu.

3.2.1.3 Tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách nhà nước bằng cách so sánh giữa dự toán và thực tế về nguồn thu..

Sau khi tiến hành thu theo số thu thực tế, KBNN cần phối hợp với Cơ quan tài chính có liên quan để so sánh giữa số thu thực tế đạt được và dự toán thu đầu năm, từ đó đánh giá về kết quả thực hiện, phân tích rút ra những tiêu chí, rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác thu NS lần sau.

3.2.2 Tăng cường quản lý nguồn chi:

3.2.2.1 Nâng cao chất lượng công tác quản lý chi NSNN tại KBNN, tránh tình trạng chi xong mới phát hiện sai

Để đảm bảo cho các khoản chi được chính xác, cần phải có những bước kiểm tra các khoản mục chi một cách có khoa học, cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu của quản lý dự toán chi

Bước 2: Kiểm tra dự toán chi NSNN qua KBNN

Bước 3: So sánh kết quả đạt được của bước 2, so sánh với mục tiêu đã được đặt ra ở bước 1, xác định số chênh lệch và nguyên nhân gây nên chênh lệch.

Bước 4: Sau đó, kế toán KBNN tiến hành tập hợp đầy đủ chứng từ, kiểm tra chứng từ chi 1 lần nữa mới tiến hành thanh toán.

Đối với khoản chi bằng tiền mặt như chi lương qua KBNN cần phải chi thanh toán qua thẻ ATM. Đối với khoản chi NSNN bằng tiền mặt, KBNN tỉnh Quảng Nam đề xuất các cấp có thẩm quyền hướng dẫn các đơn vị cung cấp dịch vụ phải mở tài khoản tại ngân hàng để thuận tiện cho việc thanh toán. Ngoài ra còn nghiên cứu việc chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ qua “thẻ mua hàng”.

3.2.2.2 KBNN tỉnh Quảng Nam kết hợp với Cơ quan tài chính để xử lý vốn tồn quỹ hằng năm

KBNN tỉnh Quảng Nam cần có những báo cáo cụ thể về tình hình sử dụng vốn NSNN nhằm hạn chế nguồn vốn tồn quỹ cuối năm. Đồng thời, KBNN tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo thường xuyên về tình hình thu chi của KB cho UBND tỉnh biết và UBND tỉnh sẽ đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị thi công đảm bảo tiến độ thi công, tiến độ thanh toán vốn.

3.2.2.3 Hoàn thiện các phương thức cấp phát vốn qua KBNN tỉnh Quảng Nam

(1) Đối với việc quản lý chi kinh phí thường xuyên NSNN tỉnh:

Phương thức “Ghi thu – ghi chi” phải được hạn chế, và dần xóa bỏ, thay vào đó là xây dựng phương thức quản lý hiện đại theo nguyên tắc dồn tích, phục vụ yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công bảo đảm tính công khai, minh bạch.

+ Phương thức cấp phát theo “Kinh phí ủy quyền” cần phải được chuyển sang hình thức cấp phát theo dự toán.

Thay đổi phương thức thanh toán vốn:

+ Đối với các khoản chi cho con người: Mọi khoản chi như chi lương, thưởng cần quản lý chặt chẽ bảng kê chi tiết của các đơn vị sử dụng ngân sách và biên chế đã duyệt dự toán.

+ Đối với các khoản chi sự nghiệp chuyên môn: KBNN cần phải kiểm tra tính tuân thủ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi nghiệp vụ chuyên môn cho từng lãnh vực có kèm theo chứng từ chi có liên quan để thực hiện thanh toán cho đơn vị.

+ Đối với các khoản chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn TSCĐ, KBNN cần phải hạn chế việc chuyển vốn lòng vòng từ Kho bạc sang đơn vị sử dụng ngân sách rồi mới chuyển cho nhà cung cấp mà chuyển vốn thẳng cho Nhà cung cấp.

b. Đối với việc quản lý chi vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tỉnh

Đẩy mạnh phân công trong công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư tại KBNN tỉnh, chủ đầu tư cấp nào thì giao cho KBNN cấp đó thực hiện việc thanh toán vốn cấp đó. Đề nghị Cơ quan tài chính thực hiện phương thức ủy quyền cho ngân sách cấp dưới thống nhất chuyển vốn, thanh toán vốn đối với dự án có nhiều cấp ngân sách cùng đầu tư, hoặc KBNN cấp trên thực hiện thông báo kế hoạch và mức vốn cho KBNN cấp dưới thống nhất kiểm soát, thanh toán.

3.2.2.4 Cải tiến quy trình quản lý chi ngân sách qua KBNN tỉnh QN

Tổ chức luân chuyển chứng từ giữa các phòng, bộ phận một cách khoa học, thuận tiện và khắc phục tình trạng lòng vòng, nghĩa là cần kết hợp xác lập việc luân chuyển chứng từ hồ sơ đi cùng chứng từ kế toán và theo một chiều từ bộ phận thanh toán vốn đầu tư đến kế toán KBNN.

Cần đơn giản các hồ sơ thanh toán, lược bỏ thông tin trùng lặp. Bên cạnh đó giảm bớt các chỉ tiêu và chữ ký thanh toán trên chứng từ. Cán bộ KBNN kiểm soát chi và trưởng phòng đã kiểm soát và ký tên trên giấy

đề nghị thanh toán, nên không cần thiết phải ký tiếp trên giấy rút vốn đầu tư.

+ Chứng từ phải được kiểm tra chặt chẽ, kết quả thanh toán phải chính xác và đúng chế độ quy định. Chứng từ kế toán phải thay đổi cho dễ hiểu cho người nộp thuế. Chẳng hạn, để thủ tục nộp tiền vào NSNN được đơn giản, người nộp thuế chỉ cần lập 1 bảng kê nộp thuế theo mẫu đơn giản để cá nhân và doanh nghiệp có thể tự khai thuế một cách chính xác, thay vì phải lập 4 liên giấy nộp tiền với nhiều chỉ tiêu phức tạp. Và việc làm này đã được ứng dụng nhiều nơi trên toàn quốc.

+ Quy trình luân chuyển chứng từ phải đơn giản, hợp lý, rút ngắn được thời gian, phù hợp với nhiệm vụ hiện nay.

+ Cần phải thiết kế quy trình sao cho lãnh đạo KBNN chỉ ký duyệt một lần trên các chứng từ thanh toán vốn nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ được tình hình thanh toán vốn, sao cho đường luân chuyển chứng từ đơn giản, hợp lý, đảm bảo cho chủ đầu tư giao dịch thuận lợi, không gây phiền hà.

3.2.3 Hoàn thiện mô hình quản lý NSNN qua KBNN tỉnh, công tác quản lý chứng từ, ghi chép chứng từ vào sổ sách

3.2.3.1 Hoàn thiện mô hình quản lý TABMIS

KBNN tỉnh Quảng Nam cần áp dụng một mô hình quản lý quỹ ngân sách TABMIS. Vì hệ thống TABMIS giúp tích hợp và tập trung các hệ thống quản lý tài chính thành một hệ thống thông tin đơn nhất nhằm nâng cao tính minh bạch và tính giải trình quản lý tài chính Công Việt Nam.

Do việc áp dụng song song cả hai mô hình nên cán bộ không tập trung nghiên cứu sâu quy trình, cần phải hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ công nhân viên thuộc tỉnh và huyện để kiểm tra, vào sổ và tiến hành lập dự toán cho chính xác với chỉ tiêu, định mức, nhiệm vụ của các đơn vị dự toán theo TABMIS.

3.2.3.2 Cải tiến quy trình ghi sổ các nguồn thu và chi ngân sách nhà nước, quá trình kế toán và quyết toán NSNN

- Giữa các bộ phận trong KBNN cần phải thường xuyên đối chiếu, kiểm tra với nhau về công tác thu chi tại KB, cử cán bộ chuyên môn trong KB thường xuyên theo dõi công việc của cán bộ công nhân viên.

- Thực hiện kiểm tra, thanh tra đột xuất tại đơn vị bằng việc tổ chức thanh tra tài chính.

- Chuyển đổi mô hình kiểm tra, kiểm soát sang mô hình kiểm tra, kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bất thường trong hoạt động Kho bạc Nhà nước.

3.2.4 Cải tiến hoàn thiện công tác báo cáo kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN theo hướng công nghệ thông tin hiện đại

Các khoản thu, chi của các quỹ tài chính nhà nước đều được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán tập trung của Kho bạc Nhà nước. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin điện tử tiên tiến vào quy trình quản ngân sách nhà nước.

3.2.5 Nâng cao vai trò quản lý NSNN qua KBNN:

Tất cả các nguồn chi qua NSNN đều tập trung quản lý tại Kho bạc. Tuy nhiên, Kho bạc chỉ mang tính chất là thủ quỹ của nhà nước, không có vai trò cụ thể trong việc quản lý NSNN. Do vậy, cần phải phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp ngân sách trong việc điều hành NSNN. Về lâu dài có thể đề xuất Trung ương nghiên cứu mô hình Kho bạc nhà nước chức năng, chuyên thực hiện quản lý các khoản chi.

3.2.6 Nâng cao chuyên môn, tinh thần làm việc của cán bộ trong ngành KB, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách

Trước hết, cần phải rà soát, đánh giá lại cán bộ đang làm việc tại KBNN, phân loại trình độ để đưa ra biện pháp đào tạo cho phù hợp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ. Đối với

những văn bản, luật mới ban hành, kế toán trưởng trong đơn vị phải là người tiên phong hướng dẫn cán bộ trong đơn vị nhằm nâng cao tính hiểu biết về luật.

+ Đối với trường hợp vi phạm do sai sót, không làm ảnh hưởng lớn quỹ ngân sách thì nhắc nhở trong việc xử lý. Trường hợp cán bộ bị nhắc nhở nhiều lần trong tháng thì hạ bậc thi đua, xếp lương theo phân loại A, B, C và hạ lương của tháng đó. Nếu trong năm có 3 lần loại B và 2 lần loại C thì không có thưởng cuối năm.

3.2.7 Tổ chức công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ KBNN tỉnh

KBNN tỉnh cần tổ chức các đơn vị trong ngành và địa phương tham gia phong trào thi đua khen thưởng theo nghị định 121/NĐ-CP của chính phủ, triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các nội dung Quy định chuẩn mực đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức hệ thống KBNN theo quyết định số 1503/QĐ/KBNN ngày 30/11/2007 của Tổng Giám đốc KBNN.

3.3 Một số kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị với Bộ tài chính, UBND tỉnh Quảng Nam:

Sở Kế hoạch và Đầu tư, kiểm tra điều kiện ghi vốn, cơ cấu phân bổ vốn, trình tự thủ tục quản lý đầu tư xây dựng, tiến độ thực hiện thi công công trình, dự án.

Ban hành các biểu mẫu tài chính đơn giản, dễ hiểu để cho người dân cập nhật nhanh và thuận lợi.

3.3.2 Kiến nghị đối với KBNN tỉnh Quảng Nam:

Triển khai các dịch vụ tư vấn thuế và giúp cho các cơ quan hiểu được trách nhiệm của đơn vị khi nộp thuế.

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện ngân sách nhà nước thì được khen thưởng và xử phạt theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN

Thực tế trong những năm qua, cụ thể từ năm 2005 -2009, công tác quản lý ngân sách nhà nước qua KBNN tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả tốt như: thu ngân sách đã đáp ứng nhu cầu chi ngân sách, góp phần chống lãng phí ngân sách, việc quản lý ngân sách tỉnh đã đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì cũng bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục và chấn chỉnh: việc theo dõi thu chi ngân sách còn chậm, báo cáo chưa nhanh, trình độ cán bộ còn yếu kém ... Vì vậy, theo tác giả có một số biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Hoàn thiện mô hình quản lý quỹ ngân sách tỉnh

- Hoàn thiện về công tác ghi chứng từ và tiếp nhận hồ sơ thu chi tại KBNN tỉnh

- Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách giữa cấp tỉnh và địa phương

- KBNN tỉnh Quảng Nam cần phối hợp với Ngân hàng, cơ quan thuế, phối hợp với độ ngũ quản lý để nguồn thu từ thuế được nhanh chóng và tốt hơn

- Một số giải pháp xử lý vốn tồn quỹ hằng năm

- Kiểm tra quy trình ghi sổ các nguồn thu và chi ngân sách nhà nước, quá trình kế toán và quyết toán NSNN